

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HSST
Ngày 22-03-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái

Ông Nguyễn Hữu Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tám - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy H, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1983; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2017 đến ngày 12 tháng 01 năm 2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “ Có mặt”.

2. Quách Văn T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1991; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn S và bà Phan Thị X; có vợ là: Phan Thị B và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2017 đến ngày ngày 12 tháng 01 năm 2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “ Có mặt”.

3. Bùi Minh T, sinh ngày 13 tháng 4 năm 1991; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân T và bà Quách Thị Đ; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2017 đến ngày 12 tháng 01 năm 2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “ Có mặt”.

4. Nguyễn Đức H, sinh ngày 07 tháng 2 năm 1979; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P và bà Trương Thị T; có vợ là Nguyễn Thị S và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 01 năm 2018, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “ Có mặt”.

Hoạt động bản thân: Tháng 2 năm 1998 nhập ngũ đóng quân tại trung đoàn 82- Quân khu 2 thuộc tỉnh Điện Biên đến tháng 2 năm 2000 xuất ngũ về địa phương.

- *Nguyên đơn dân sự:*

1. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu I, P30, Khu đô thị B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, chức danh giám đốc, “ Vắng mặt”.

2. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 02 tỉnh Y

Địa chỉ trụ sở chính: Phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Dư Văn G, chức danh: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông Dư Văn G là ông Nguyễn Chiến T, sinh năm 1983, “ Vắng mặt”.

Cư trú tại: Số nhà 32, Phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, “ Vắng mặt”.

Cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1982, “ Vắng mặt”.

Cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

2. Anh Đào Quang V, sinh năm 1985, “ Vắng mặt”.

Cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó Nguyễn Duy H có nói chuyện với Quách Văn T hiện đang thuê trọ tại nhà H, là công nhân đang thi công xây dựng tại công trường khu công nghiệp

Thăng Long 3 thuộc địa phận xã Thiện Kế, Bình Xuyên và biết được trong kho đồ vật tư của các công ty trong khu công nghiệp Thăng Long 3 có nhiều tài sản máy móc, thiết bị không có người trông coi, nên khoảng 22h00' ngày 15 tháng 11 năm 2017, sau khi đi uống rượu về nhà, Nguyễn Duy H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong khu công nghiệp Thăng Long 3 để kiếm tiền sử dụng cá nhân nên rủ Quách Văn T đi trộm cắp tài sản trong khu công nghiệp Thăng Long 3, Nguyễn Duy H nói “*Đi lấy đồ trong công trường khu công nghiệp Thăng Long 3 đi*”, ý bảo Quách Văn T đi trộm cắp tài sản trong công trường khu công nghiệp Thăng Long 3, Quách Văn T hiểu ý và đồng ý. Sau đó Quách Văn T rủ Bùi Minh T là bạn ở cùng phòng trọ với Quách Văn T cùng đi trộm cắp, Quách Văn T nói “*Đi lấy trộm ít đồ đi*”, Bùi Minh T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Duy H gọi điện thoại cho Nguyễn Đức H bảo “*Sang nhà em nhờ tí việc*”. Nguyễn Đức H đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FAVOUR màu đỏ đen BKS: 88H9-4580 của Nguyễn Đức H đi đến nhà Bùi Văn H thì gặp Quách Văn T, Bùi Minh T, Bùi Minh T và Nguyễn Duy H. Tại đây Nguyễn Duy H nói với Nguyễn Đức H “*Đi chở hộ em ít đồ*”, Nguyễn Đức H đồng ý. Sau đó Nguyễn Duy H bảo Quách Văn T lên xe mô tô của Nguyễn Đức H chỉ đường cho Nguyễn Đức H đi đến khu công nghiệp Thăng Long 3 còn Bùi Văn H, Bùi Minh T đi bộ tắt qua cánh đồng đến khu công nghiệp Thăng Long 3, cả hai đi vào bên trong công trường thì phát hiện kho đồ vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Y có địa chỉ ở phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ở do ông Dư Văn G, làm giám đốc đang thi công, không có người trông giữ, Nguyễn Duy H và Quách Văn T dùng tay cạy tấm tôn ở cửa kho nhưng không được, khi cạy phát ra tiếng động lớn nên lúc này Nguyễn Đức H điều khiển xe mô tô chở Quách Văn T đến đầu đường lớn trong khu công nghiệp Thăng Long 3 cách kho đồ vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Y khoảng 100m thì nghe thấy tiếng động nên Quách Văn T bảo Nguyễn Đức H đứng ở ngoài chờ còn Quách Văn T đi vào trong gặp Nguyễn Duy H và Bùi Minh T. Quách Văn T lấy 01 thanh sắt dài khoảng 20cm đường kính 1,4cm có sẵn ở cạnh kho chứa đồ cạy phá khóa cửa kho làm khóa cửa bị bung ra, sau đó Quách Văn T vứt thanh sắt đi rồi cùng Nguyễn Duy H, Bùi Minh T vào trong kho phát hiện thấy có 01 chiếc máy phát điện nhãn hiệu Lutian màu vàng đã cũ để trên chiếc xe lôi ngay trước cửa vào lán, 01 máy bơm nước nhãn hiệu Shinil màu đỏ đã cũ, 01 máy khoan tay nhãn hiệu BOSCH màu xanh đã cũ ở trong kho. Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T khiêng máy phát điện ra bên ngoài được khoảng 20m nhưng do máy phát điện nặng nên cả ba bỏ xuống đất. Quách Văn T đi bộ ra chỗ Nguyễn Đức H đang đứng đợi ở bên ngoài đường lớn để bảo Nguyễn Đức H đi xe mô tô vào trong để chở máy phát điện. Lúc này khoảng 23h cùng ngày, thấy Quách Văn T ra, do nghi ngờ Quách Văn T, Nguyễn Duy H và Bùi Minh T đang trộm cắp tài sản nên Nguyễn Đức H hỏi Quách Văn T: “*Các chú lấy đồ trong công trường à*”, ý nói Quách Văn T, Nguyễn Duy H và Bùi Minh T trộm cắp tài sản, Quách Văn

T trả lời “*Vâng, anh H sợ nói với anh trước anh không đi, anh vào chở hộ cái máy phát*”. Nguyễn Đức H đồng ý sau đó không nổ máy xe mô tô và không bật đèn chiếu sang để tránh bị phát hiện rồi cùng Quách Văn T đi vào vị trí Nguyễn Duy H và Bùi Minh T đang đứng đợi. Thấy Nguyễn Đức H đến, Nguyễn Duy H nói với Nguyễn Đức H: “Anh chở hộ em chiếc máy phát gửi nhà ai giúp em với”. Nguyễn Đức H đồng ý, sau đó Bùi Văn H, Quách Văn T, Bùi Minh T vác chiếc máy phát lên xe mô tô của Nguyễn Đức H rồi sau đó Nguyễn Đức H tiếp tục dắt xe mô tô còn Quách Văn T đi đằng sau giữ máy phát điện đi ra ngoài đường lớn rồi nổ máy đi đến nhà anh Vũ Văn Đ là bạn của Nguyễn Đức H. Do anh Vũ Văn Đ không có ở nhà nên Nguyễn Đức H điện thoại nói với anh Đ “Cho anh gửi nhờ cái máy phát”, do có quen biết từ trước nên anh Đ trả lời “*Vâng*”. Nguyễn Đức H cùng Quách Văn T chuyển máy phát điện để tại bãi đất trống phía trong cổng nhà anh Đ.

Trong lúc Nguyễn Đức H và Quách Văn T mang máy phát điện đi gửi thì Nguyễn Duy H và Bùi Minh T tiếp tục quay lại công trường, phát hiện cách kho để vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Y khoảng 50m là kho để vật tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Thắng R&C có địa chỉ ở phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa do anh Nguyễn Văn T làm giám đốc đang thi công không có ai trông coi, Bùi Minh T nhặt 01 thanh sắt dài khoảng 30cm đường kính 14mm cạy phá cửa kho, sau đó Bùi Minh T và Nguyễn Duy H vào trong kho phát hiện có 01 máy hàn điện nhãn hiệu LG màu cam đã cũ, 01 máy cắt gỗ nhãn hiệu Maktec màu đỏ, 01 máy khoan tay nhãn hiệu Kingtony màu đen đã cũ, 01 máy cắt sắt màu vàng đen đã cũ ở phía góc tường bên phải hướng vào kho thì Nguyễn Duy H và Bùi Minh T tiếp tục lấy các tài sản này. Sau khi Nguyễn Duy H, Bùi Minh T mang những tài sản trộm cắp ra đầu đường lớn thì Nguyễn Duy H có gọi điện cho Nguyễn Đức H được biết lúc này Nguyễn Đức H và Quách Văn T đi xe mô tô quay về đến cổng khu công nghiệp Bình Xuyên II thì hết xăng nên Nguyễn Duy H bảo Nguyễn Đức H gửi xe vào cổng khu công nghiệp Bình Xuyên II và gọi xe taxi đến cổng KCN Bình Xuyên 2 đón Nguyễn Đức H và Quách Văn T quay lại KCN Thăng Long 3. Khi Nguyễn Đức H, Quách Văn T đi taxi đến, Nguyễn Duy H, Bùi Minh T mang toàn bộ số tài sản vừa trộm cắp được để trong cốp xe taxi rồi đến nhà anh Đào Quang V là anh họ của Nguyễn Duy H đang bán đồ ăn đêm. Gặp V thì Nguyễn Duy H nói “Anh cho em gửi ít đồ, em chuyển công trình”, V đồng ý để Nguyễn Duy H, Bùi Minh T và Quách Văn T xách tài sản trộm cắp trên xe taxi xuống để ở góc sân nhà anh V rồi ăn đêm ở quán nhà anh V xong tất cả đi về nhà.

Đến khoảng 11h00' ngày 16 tháng 11 năm 2017 Nguyễn Duy H gọi điện cho Nguyễn Đức H bảo H tìm chỗ bán máy phát điện, do nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật nên Nguyễn Đức H đến nhà Đ lấy máy phát điện mang đến cơ quan Công an giao nộp và trình bày toàn bộ sự việc. Cơ quan điều tra Công an huyện

Bình Xuyên đã thu giữ chiếc máy phát điện và chiếc xe mô tô BKS 88H9-4580 của Nguyễn Đức H.

Đến khoảng 20h30' ngày 17 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Duy H gọi điện cho Nguyễn Văn C là bạn Nguyễn Duy H và nói “tôi đang có 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy khoan bạn có muốn mua không”, C đồng ý. Sau đó Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T và C đến quán ăn đêm của anh V, gặp V Nguyễn Duy H nói “Cho em lấy ít đồ hôm trước gửi”, V nói “Ừ”, sau đó Nguyễn Duy H lấy chiếc máy hàn điện nhãn hiệu LG màu cam đã cũ, máy khoan tay nhãn hiệu Kingtong màu đen và máy cắt sắt nhãn hiệu Bohai màu vàng bán cho C với giá 2.000.000đ. Số tiền bán máy có được, Nguyễn Duy H chia cho Quách Văn T 500.000đ, Bùi Minh T 500.000đ; số tiền này Nguyễn Duy H, Bùi Minh T và Quách Văn T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, tại cơ quan điều tra, Nguyễn Duy H, Bùi Minh T, Quách Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2017, công Công an huyện Bình Xuyên đã thu giữ 01 chiếc máy bơm nước nhãn hiệu Shinil, 01 máy cắt gỗ nhãn hiệu Maktec, 01 máy khoan nhãn hiệu Bosch mà Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T, trộm cắp được tại nhà V, đồng thời thu giữ 01 máy hàn điện nhãn hiệu LG màu cam đã cũ, 01 máy khoan tay nhãn hiệu Kingtong màu đen và 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Bohai màu vàng do Nguyễn Văn C giao nộp.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Bình Xuyên đã Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 11 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá tài sản bị mất trộm.

Tại bản kết luận định giá số 92 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên, kết luận: 01 máy phát điện giá 3.000.000 đồng; 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu Bosch giá 283.333 đồng; 01 máy bơm nước nhãn hiệu Shinil giá 316.666 đồng; 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu Kingtong giá 350.000 đồng; 01 máy cắt gỗ nhãn hiệu Maktec giá 383.333 đồng; 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Bohai giá 766.666 đồng; 01 máy hàn điện nhãn hiệu LG giá 966.666 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp theo quyết định trưng cầu là: 6.066.664 đồng.

Các bị can Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T, Nguyễn Đức H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị can Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T, Nguyễn Đức H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; các bị can đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị can Nguyễn Đức H còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là đã tự thú, bản thân bị can Nguyễn Đức H có thời gian tham gia phục vụ quân đội nhân dân Việt Nam, bị can Quách Văn T có bố đẻ là ông Quách Ngọc S có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang.

Quá trình điều tra, ông Dư Văn G giám đốc công ty cổ phần xây dựng số 2 Y đã ủy quyền lại cho ông Nguyễn Chiến T là cán bộ của công ty tham gia giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T, Giám đốc công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C trực tiếp tham gia giải quyết vụ án.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại 01 máy khoan tay nhãn hiệu kingtony, 01 máy cắt gỗ nhãn hiệu Maktec, 01 máy hàn điện LG, 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Bohai cho ông Nguyễn Văn T là giám đốc công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C, ngày 17 tháng 01 năm 2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại 01 máy phát điện nhãn hiệu Lutian, 01 máy khoan tay nhãn hiệu Bosch, 01 máy bơm nước nhãn hiệu Shinil cho ông Nguyễn Chiến T. Sau khi nhận lại tài sản, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Chiến T không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 88H9-4580 của Nguyễn Đức H quá trình điều tra xác định là xe của Nguyễn Đức H, ngày 15 tháng 11 năm 2017 Nguyễn Đức H sử dụng để trộm cắp tài sản nên cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc khóa cửa kho để vật tư của công ty công ty cổ phần xây dựng số 2 Y và Giám đốc công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C bị các bị can làm hư hỏng, quá trình điều tra ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Chiến T xác định là tài sản có giá trị nhỏ, khi mua khoảng 50.000đ nên không có yêu cầu đề nghị gì nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Vũ Văn Đ, Đào Quang V có hành vi chứa chấp tài sản do trộm cắp mà có nhưng anh Đ và anh V không biết tài sản do Nguyễn Duy H và các bị cáo trộm cắp nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn C có hành vi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có nhưng anh C không biết tài sản do Nguyễn Duy H và các bị cáo trộm cắp nên không đề cập xử lý. Đối với số tiền 2.000.000đ anh C đã trả cho Nguyễn Duy H để mua tài sản trộm cắp, quá trình điều tra anh C không có đề nghị các bị can Nguyễn Duy H, Quách Văn T và Bùi Minh T phải trả lại cho anh C, nhưng đây là tài sản do phạm tội mà có nên cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe taxi Nguyễn Duy H đã gọi để đón Nguyễn Đức H, Quách Văn T và chở các tài sản trộm cắp quá trình điều tra, Nguyễn Duy H và các bị cáo đều không nhớ rõ đặc điểm người lái xe và hãng xe taxi nên không có cơ sở để xử lý.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSBX ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T và Nguyễn Đức H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T và Nguyễn Đức H về tội “ Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h,p khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999, riêng bị cáo Nguyễn Đức H áp dụng thêm điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H từ 10 tháng tù đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm.

Xử phạt bị cáo Quách Văn T và Bùi Minh T mỗi bị cáo từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng.

Giao các bị cáo cho ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô BKS 88H9-4580 của Nguyễn Đức H là công cụ, phương tiện phạm tội.

Truy thu của Nguyễn Duy H 1.000.000 đồng, của Quách Văn T 500.000 đồng , của Bùi Minh T 500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Đại diện cho nguyên đơn dân sự Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông đã nhận lại toàn bộ tài sản bị các bị cáo trộm cắp, các tài sản còn nguyên vẹn, không bị mất mát hư hỏng, ông không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đại diện cho nguyên đơn dân sự Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 2 Y ông Nguyễn Chiến T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra ông Nguyễn Chiến T trình bày: Ông đã nhận lại toàn bộ tài sản bị các bị cáo trộm cắp, các tài sản còn nguyên vẹn, không bị mất mát hư hỏng, ông không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra anh Nguyễn Văn C trình bày: Do có nhu cầu sử dụng nên anh đã mua của Nguyễn Duy H 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy khoan với giá 2.000.000 đồng, khi mua anh Nguyễn Văn C không biết đó là tài sản trộm cắp, anh đã giao nộp cho cơ quan điều tra các tài sản trên. Nay anh không yêu cầu các bị cáo phải trả cho anh khoản tiền 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét thấy tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T và Nguyễn Đức H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể

như sau: Khoảng 23h00' ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại khu công nghiệp Thăng Long 3 thuộc địa phận xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc Nguyễn Duy H, Quách Văn T, và Bùi Minh T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc máy phát điện nhãn hiệu Lutian màu vàng đã cũ để trên chiếc xe lôi ngay trước cửa vào lán, 01 máy bơm nước nhãn hiệu Shinil màu đỏ đã cũ, 01 máy khoan tay nhãn hiệu BOSCH màu xanh đã cũ trong kho để vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Y, trộm cắp 01 máy hàn điện nhãn hiệu LG màu cam đã cũ, 01 máy cắt gỗ nhãn hiệu Maktec màu đỏ, 01 máy khoan tay nhãn hiệu Kingtony màu đen đã cũ, 01 máy cắt sắt màu vàng đen đã cũ trong kho để vật tư của công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 6.066.664 đồng. Nguyễn Đức H mặc dù không được bàn bạc từ trước, tuy nhiên khi biết được các bị cáo Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T đang trộm cắp tài sản nhưng vẫn có hành vi dùng xe mô tô BKS 88H9-4580 của Nguyễn Đức H để chở tài sản trộm cắp đi cất giấu, vì vậy Nguyễn Đức H cũng phạm tội trộm cắp tài sản.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy H, bị cáo Quách Văn T, bị cáo Bùi Minh T, bị cáo Nguyễn Đức H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, song hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Duy H: Với vai trò là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản cùng với Quách Văn T và Bùi Minh T, vì vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt nặng hơn so với các bị cáo khác. Tuy nhiên xét thấy việc khởi xướng của bị cáo chỉ mang tính chất nhất thời, bột phát do không kiềm chế được lòng tham, bị cáo có nhân thân tốt không phải là người thường xuyên có hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy không cần phạt giam mà cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

Đối với bị cáo Quách Văn T và Bùi Minh T: Với vai trò đồng phạm là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do vậy các bị cáo cũng phải chịu mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, tuy nhiên các bị cáo này đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy

định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình, bị cáo Quách Văn T có bố để được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có chỗ ở ổn định và nơi cư trú rõ ràng, do đó cần xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật bằng hình thức phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để quản lý giáo dục trong thời gian thử thách theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích.

Đối với Nguyễn Đức H: Là người không trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản nhưng khi biết Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T trộm cắp tài sản vẫn đồng ý chở hộ tài sản trộm cắp đem đi cất giấu, do vậy Nguyễn Đức H cũng phạm tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên sau khi phạm tội đã ra tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và được tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian trong quân ngũ 02 năm do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C và Công ty cổ phần xây dựng số 2 Y là anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Chiến T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án và các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 88H9- 4580 của Nguyễn Đức H quá trình điều tra xác định là xe của Nguyễn Đức H, ngày 15 tháng 11 năm 2017 Nguyễn Đức H sử dụng để trộm cắp tài sản nên cần tịch thu bán phát mại sung công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc khóa cửa kho để vật tư của công ty công ty cổ phần xây dựng số 2 Y và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Thắng R&C các bị cáo làm hư hỏng, quá trình điều tra ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Chiến T xác định là tài sản có giá trị nhỏ, khi mua khoảng 50.000đ nên không có yêu cầu đề nghị gì nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Vũ Văn Đ, Đào Quang V có hành vi chứa chấp tài sản do trộm cắp mà có nhưng anh Vũ Văn Đ và anh Đào Quang V không biết tài sản do Nguyễn Duy H và các bị cáo trộm cắp nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn C có hành vi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có nhưng anh C không biết tài sản do Nguyễn Duy H và các bị cáo trộm cắp nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 2.000.000đ anh Nguyễn Văn C đã trả cho Nguyễn Duy H để mua tài sản trộm cắp, số tiền này Nguyễn Duy H sử dụng 1.000.000 đồng, chia cho Quách Văn T và Bùi Minh T mỗi người 500.000 đồng, quá trình điều tra anh C

không đề nghị các bị cáo phải trả lại cho anh nên không đề cập xử lý, tuy nhiên đây là tiền do phạm tội mà có vì vậy cần truy thu của các bị cáo để sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe taxi Nguyễn Duy H đã gọi để đón Nguyễn Đức H, Quách Văn T và chở các tài sản trộm cắp quá trình điều tra, Nguyễn Duy H và các bị cáo đều không nhớ rõ đặc điểm người lái xe và hãng xe taxi nên không có cơ sở để xử lý.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T và Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T và Nguyễn Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h,p khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999, riêng bị cáo Tùng áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt : Bị cáo Quách Văn T 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(Một) năm 02 (Hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt : Bị cáo Bùi Minh T 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(Một) năm 02 (Hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h,o,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Đức H 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Duy H cho ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, giao bị cáo Quách Văn T và bị cáo Bùi Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, giao bị cáo Nguyễn Đức H cho ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 1999:

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô BKS 88H9-4580 của Nguyễn Đức H là công cụ, phương tiện phạm tội (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/3/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc).

Truy thu của Nguyễn Duy H 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), truy thu của Quách Văn T 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), truy thu của Bùi Minh T 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Duy H, Quách Văn T, Bùi Minh T và Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Các đương sự
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thái

Nguyễn Hữu Lợi

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; bị hại;
- Các đương sự
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thủy

TOÀN NHẬN ĐẾN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày 07-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái

Ông Nguyễn Đức Tiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Duy Hưng - SN 29/8/1983

- HKTT: thôn Rừng Sầm - xã Thiện Kế - huyện Bình Xuyên – tỉnh Vĩnh Phúc.

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Đảng, đoàn thể: Không.

- Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá: 12/12.

- Bố đẻ: Nguyễn Văn Toán – SN 1960; (đã chết)

- Mẹ đẻ: Ngô Thị Hương - SN 1960. Hiện làm ruộng, trú tại xã Thiện Kế - huyện Bình Xuyên – tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh chị em ruột: 03 người, bị can là con thứ 01;

- Vợ: Nguyễn Thị Hoa – SN 1986. Hiện làm công nhân KCN Khai Quang – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc.

- Con: 03 con, lớn nhất SN 2005, nhỏ nhất SN 2014;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 12/01/2017 được thay thế biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

2. Họ và tên: Quách Văn Tùng - SN 02/10/1991

- HKTT: xã Đông Thọ - huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang.

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Đảng, đoàn thể: Không.

- Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 11/12.

- Bố đẻ: Quách Văn Sáu – SN 1962;

- Mẹ đẻ: Phan Thị Xuyên - SN 1964.

- Hiện bố mẹ đều làm ruộng, trú tại xã Đông Thọ - huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang.

- Anh chị em ruột: 03 người, bị can là con thứ 02;

- Vợ: Phan Thị Bộ – SN 1986. Hiện làm ruộng, trú tại xã Đông Thọ - huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang.

- Con: 02 con, lớn SN 2014, nhỏ SN 2016;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 12/01/2017 được thay thế biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú . Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

3. Họ và tên: Bùi Minh Tuấn - SN 13/04/1991

- HKTT: xã Đông Thọ - huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang.

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Đảng, đoàn thể: Không.

- Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12.

- Bố đẻ: Bùi Xuân Thủy – SN 1956;

- Mẹ đẻ: Quách Thị Đào - SN 1963.

- Hiện bố mẹ đều làm ruộng, trú tại xã Đông Thọ - huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang.

- Anh chị em ruột: 03 người, bị can là con thứ 02;

- Vợ, con: chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 12/01/2017 được thay thế biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú . Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

4. Họ và tên: Nguyễn Đức Hậu - SN 07/2/1979

- HKTT: xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Đảng, đoàn thể: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12.

- Bố đẻ: Nguyễn Tấn Phúc – SN 1940; (đã chết)

- Mẹ đẻ: Trương Thị Tín - SN 1942. Hiện già yếu, trú tại xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh chị em ruột: 03 người, bị can là con thứ 01;

- Vợ: Nguyễn Thị Sinh – SN 1980. Hiện làm ruộng, trú tại xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

- Con: 02 con, lớn SN 2002, nhỏ SN 2005;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2018 . Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

Nhân thân: Năm 1998 nhập ngũ đóng quân tại trung đoàn 82 - Quân khu 2 thuộc tỉnh Điện Biên đến năm 2000 xuất ngũ về địa phương.

1. Phan Văn Hậu, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1987; nơi sinh: Xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Tây Đình, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ dân quân thường trực xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Hòa và bà Phạm Thị Tuyền (bố, mẹ là bị cáo trong cùng vụ án); có vợ là Trần Thị Thanh Mai và có 01 con 4 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án, tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 98/2017/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017 tạm dừng việc thi hành án để chấp hành lệnh tạm giam của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên.

Hoạt động bản thân: Tháng 02 năm 2006 tham gia nghĩa vụ quân sự, huấn luyện tại đơn vị Cụm kho CK 79 Cục kỹ thuật Quân khu 2 đóng quân tại tỉnh Điện Biên, đến ngày 31 tháng 8 năm 2007 xuất ngũ về địa phương; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20 tháng 11 năm 2017 đến nay, “có mặt”.

2. Phan Văn Hòa, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1961; nơi sinh: Xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Tây Đình, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phan Văn Mạnh và bà Phan Thị Hồng (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị Tuyền (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 03 con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt, bị cáo tại ngoại, “có mặt”.

3. Phạm Thị Tuyền, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1959; nơi sinh: Xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Tây Đình, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Văn Viên và bà Nguyễn Thị Vạn; có chồng là Phan Văn Hòa (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 03 con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt, bị cáo tại ngoại, “có mặt”.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Hải Vân, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ dân phố Độc Lập, thị trấn Thanh Lăng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy; sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn Hữu Bằng I, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

2. Anh Nguyễn Văn Tường, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn Hữu Bằng, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

3. Ông Lê Văn Dũng; nơi công tác: Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Đường Chu Văn An, Phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01 năm 2010 Phan Văn Hậu được Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tuyển dụng làm dân quân thường trực thuộc Ban chỉ huy quân sự xã Tam Hợp. Tháng 02 năm 2010, Hậu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp phân công giúp việc tại bộ phận địa chính của xã. Ngày 29 tháng 4 năm 2011, Hậu được bầu vào Ban chấp hành Hội chữ thập đỏ giữ chức vụ Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã Tam Hợp nhưng vẫn giúp việc tại bộ phận địa chính xã. Khoảng tháng 6 năm 2012, ông Nguyễn Văn Bảy có nhu cầu tách quyền sử dụng đất ở cho hai con trai là anh Nguyễn Văn Tường và anh Nguyễn Văn Tốt nên nhờ Hậu làm thủ tục. Hậu đồng ý, ông Bảy đã đưa cho Hậu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C824224 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) cấp ngày 29 tháng 3 năm 1993 đứng tên ông Nguyễn Văn Bảy, anh Tường đưa cho Hậu số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) để nộp phí làm thủ tục tách quyền sử dụng đất. Đến đầu năm 2016 do chưa làm được thủ tục tách quyền sử dụng đất cho gia đình ông Bảy và Hậu đang bị nợ nần nhiều không có tiền trả, sẵn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bảy đưa cho, Hậu nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Bảy để lấy tiền trả nợ. Đầu tháng 02 năm 2016 Hậu gặp ông Nguyễn Huy Chương nói với ông Chương muốn bán nhà, đất gia đình Hậu đang ở tại thôn Tây Đình, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, do không có nhu cầu mua đất, nhà và biết ông Nguyễn Hải Vân là người quen với ông Chương có nhu cầu mua đất nên ông Chương đã giới thiệu cho ông Vân liên hệ với Hậu để mua. Ngày 24 tháng 02 năm 2016, ông Vân trực tiếp đến xem đất của gia đình Hậu đang ở tại thôn Tây Đình, xã Tam Hợp và trao đổi với Hậu, Hậu nói với ông Vân đó là nhà, đất của gia đình Hậu đang ở có nhu cầu muốn bán, đồng thời Hậu cho ông Vân xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Văn Bảy (thửa đất tại thôn Hữu Bằng I, xã Tam Hợp). Ông Vân tin nên đã thỏa thuận mua bán với Hậu giá 450.000.000đồng, đặt cọc 150.000.000đồng sau khi làm xong hợp đồng chuyển nhượng và hẹn đến ngày 26 tháng 02 năm 2016 đến phòng công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi thỏa thuận xong với ông Vân, Hậu nói riêng với bố đẻ Phan Văn Hòa và mẹ đẻ Phạm Thị Tuyến là Hậu cần tiền trả nợ, đã mượn được bìa đỏ của gia đình ông Bảy, Hậu muốn dùng bìa đỏ của gia đình ông Bảy để lừa bán đất đang ở của gia đình mình lấy tiền trả nợ, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyến đồng ý. Ngày 26 tháng 02 năm 2016 Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa, Phạm Thị Tuyến cùng ông Nguyễn Hải Vân và bà Nguyễn Thị Tinh vợ ông Vân đến Phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc, địa chỉ: Đường Chu Văn An, Phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Bảy cho ông Vân. Khi tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phòng công chứng, Công chứng viên yêu cầu Phan Văn Hòa, Phạm Thị Tuyến cung cấp

chứng minh nhân dân, nhưng Phan Văn Hòa không có chứng minh nhân dân nên Hậu quay về gặp ông Tạ Văn Khánh - Phó trưởng Công an xã Tam Hợp. Được ông Khánh đưa cho mẫu đơn xin xác nhận nhân sự, Hậu dán ảnh của Phan Văn Hòa nhưng chưa ghi thông tin vào đơn rồi nhờ ông Khánh xác nhận, do làm cùng cơ quan nên ông Khánh ký xác nhận và đóng dấu Công an xã mà không yêu cầu Hậu ghi thông tin về người xin xác nhận nhân sự, sau đó Hậu cầm đơn xác nhận nhân sự quay lại Phòng công chứng và điền tên Nguyễn Văn Bảy, sinh năm 1948 ở xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào đơn rồi cung cấp cho công chứng viên. Công chứng viên soạn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 255, Văn bản thỏa thuận số: 256 quyền số 21.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26 tháng 02 năm 2016 nội dung thể hiện ông Nguyễn Văn Bảy, bà Nguyễn Thị Tuyền chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hải Vân, bà Nguyễn Thị Tình quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với giá 450.000.000đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), tại bản hợp đồng Phan Văn Hòa nói dối tên là Bảy và ký tên là Nguyễn Văn Bảy để phù hợp với tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Phạm Thị Tuyền nói dối tên là Nguyễn Thị Tuyền và ký tên là Nguyễn Thị Tuyền để phù hợp với tên “Họ Nguyễn” của vợ ông Bảy trong sổ hộ khẩu. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng, khoảng 12 giờ cùng ngày Hậu cùng ông Vân đến quán Cà phê Ngày Mới ở khu phố II, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc Hậu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Bảy cho ông Vân, đồng thời nhận của ông Vân số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Toàn bộ số tiền này Hậu đã trả nợ cho nhiều người nên không nhớ trả nợ cho ai, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C824224 do UBND huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) cấp ngày 29 tháng 3 năm 1993 đứng tên ông Nguyễn Văn Bảy; 01 quyền sổ hộ khẩu của gia đình ông Bảy; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 255, 01 bản thỏa thuận số 256 ngày 26 tháng 02 năm 2016 để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 03 tháng 8 năm 2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Bình Xuyên trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ viết “Bảy - Nguyễn Văn Bảy” trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26 tháng 02 năm 2016, trong Văn bản thỏa thuận ngày 26 tháng 02 năm 2016 có phải do Phan Văn Hòa viết ra không. Ngày 08 tháng 8 năm 2016 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận giám định số 690/KLGD kết luận: Chữ viết “Bảy- Nguyễn Văn Bảy” trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26 tháng 02 năm 2016, văn bản thỏa thuận ngày 26 tháng 02 năm 2016 là do Phan Văn Hòa viết ra.

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Đối với số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) Hậu chiếm đoạt của ông Nguyễn Hải Vân, quá trình điều tra ông Vân yêu cầu Hậu, Hòa, Tuyến phải liên đới bồi thường trả lại ông số tiền 150.000.000đồng. Ngày 31 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa ông Vân không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C824224 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo- tỉnh Vĩnh Phú (cũ) cấp ngày 29 tháng 3 năm 1993 đứng tên ông Nguyễn Văn Bảy; 01 quyền sở hữu khẩu của gia đình ông Bảy, đã trả lại ông Nguyễn Văn Bảy, sau khi nhận lại ông Bảy không có đề nghị gì.

Đối với bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 255, Văn bản thỏa thuận số 256 ngày 26 tháng 02 năm 2016 được đưa vào hồ sơ làm tài liệu chứng cứ.

Đối với số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Văn Tường con trai ông Bảy đưa cho Hậu để chi phí việc nhờ Hậu tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Tường không yêu cầu giải quyết và xác định đây là thỏa thuận tự nguyện giữa anh và bị cáo Hậu.

Bản cáo trạng số: 01/KSĐT-KT ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyến về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyến về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 đối với Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyến; bị cáo Hòa, Tuyến áp dụng thêm điểm h, khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt bị cáo Phan Văn Hậu từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 98/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2017; bị cáo Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyến mỗi bị cáo từ 02 đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại ông Nguyễn Hải Vân khẳng định toàn bộ nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng, tại phiên tòa ông không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự này, ông đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hậu và cho bị cáo Hòa, Tuyến được hưởng án treo.

Ông Nguyễn Văn Bảy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra ông Bảy khẳng định: Tháng 6 năm 2012 do có nhu cầu tách đất cho con trai nên ông đã nhờ Hậu và Hậu đã đồng ý nên ông đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông đứng tên ông đưa cho Hậu, do Hậu chưa làm xong thủ tục tách đất cho

gia đình ông, tháng 02 năm 2016 Hậu đã dùng quyền sử dụng đất của gia đình ông chuyển nhượng cho ông Vân, nay ông xác nhận đã nhận lại quyền sử dụng đất và không có ý kiến gì.

Ông Lê Văn Dũng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra ông khẳng định: Ông là công chứng viên tại Văn phòng Công chứng số 1, ngày 26 tháng 02 năm 2016, ông có ký một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong hợp đồng thể hiện người chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Bảy, vợ là Nguyễn Thị Tuyền và người nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Hải Vân vợ là Nguyễn Thị Tình, sau khi kiểm tra các thủ tục yêu cầu các bên xuất trình giấy tờ xét thấy đủ điều kiện nên ông đã ký công chứng vào hợp đồng đó.

Anh Nguyễn Văn Trường quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Vào tháng 6 năm 2012 bố anh là ông Nguyễn Văn Bảy có nhu cầu tách quyền sử dụng đất cho anh và em trai anh là Nguyễn Văn Tốt, sau khi bố anh và Hậu thống nhất anh có đưa cho Hậu số tiền 1.500.000 đồng để Hậu làm thủ tục, việc anh đưa tiền cho Hậu là thỏa thuận hai bên, nay anh không đề nghị gì về khoản tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét thấy tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyền thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau: Khoảng tháng 6 năm 2012, ông Nguyễn Văn Bảy có nhờ Hậu làm thủ tục tách quyền sử dụng đất của gia đình ông và được Hậu đồng ý. Ông Bảy đã đưa Hậu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C824224 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) cấp ngày 29 tháng 3 năm 1993 đứng tên ông Nguyễn Văn Bảy. Do Hậu đang nợ tiền của nhiều người chưa trả nên Hậu đã nói với bố, mẹ là Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyền là dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng của gia đình ông Bảy nói dối là đất đang ở của gia đình mình lừa bán cho ông Nguyễn Hải Vân để lấy tiền trả nợ, Hòa và Tuyền đồng ý, ngày 26 tháng 02 năm 2016, Hậu, Hòa và Tuyền đến Phòng Công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc để làm thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông Vân, ông Vân đặt cọc và đưa cho Hậu số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), toàn bộ số tiền này Hậu đã dùng trả nợ cho một số người hết.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Hậu, bị cáo Hòa và bị cáo Tuyền đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội phạm được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Phan Văn Hậu thực hiện với vai trò là chủ mưu, tích cực, là người trực tiếp tiêu toàn bộ số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt được. Bản thân bị cáo đã có một tiền án, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo bị xét xử lần này xảy ra trước hành vi phạm tội mà bị cáo đã bị xét xử nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng hoặc tái phạm quy định tại Điều 48, 49 Bộ luật hình sự, mà khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo và thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2017, là ngày bắt tạm giam của bản án của tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên; bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 là thành khẩn khai báo; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên cũng cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như đủ điều kiện để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với Bị cáo Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyền phạm tội với vai trò đồng phạm là người thực hành; hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án là ít nghiêm trọng, số tiền các bị cáo có hành vi chiếm đoạt của người bị hại, bị cáo Hậu là người trực tiếp nhận tiền và chi tiêu cá nhân bị cáo Hòa và Tuyền không được hưởng. Hai bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 46 đó là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải và được hưởng một tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự tại phiên tòa người bị hại xin cho các bị cáo được hưởng án treo với mức án thấp nhất, ngoài ra bị cáo Hòa có bố là ông Phan Văn Mạnh và mẹ là Phan Thị Hồng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có chỗ ở ổn định và nơi cư trú rõ ràng; do đó cần xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật bằng hình thức phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, cũng giúp bị cáo cải tạo trở thành người có ích. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Bị hại là ông Nguyễn Hải Vân không có đề nghị gì, do vậy Tòa không xem xét giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C824224 đứng tên ông Nguyễn Văn Bảy; 01 quyển sổ hộ khẩu của gia đình ông Bảy, quá trình điều tra ông Bảy xác nhận đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Đối với 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 255, 01 bản thỏa thuận số 256 ngày 26 tháng 02 năm 2016 được đưa vào hồ sơ làm tài liệu chứng cứ.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng anh Nguyễn Văn Tường đưa cho Hậu để chi phí việc nhờ Hậu tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định là thỏa thuận tự

nguyện giữa anh Tường và Hậu, anh Tường không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyền mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyền phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn Hậu 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự 1999 tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2017/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc Phan Văn Hậu phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt : Bị cáo Phan Văn Hòa 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt : Bị cáo Phạm Thị Tuyền 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Phan Văn Hòa và bị cáo Phạm Thị Tuyền cho Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phan Văn Hậu, Phan Văn Hòa và Phạm Thị Tuyền mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thái

Nguyễn Đức Tiến

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; bị hại;
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan

PH

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thái

Nguyễn Đức Tiến

Trần Thị Lan

Sửa chữa ở đây được hiểu là sửa lại những cái bị hư hỏng (như sửa lại chiếc xe bị hỏng, sửa chiếc ghế bị gãy do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra).

Bồi thường là việc đền bù lại những thiệt hại mà mình đã gây ra cho người khác (Ví dụ như con anh lấy xe đạp của người khác nay cháu đã bán chiếc xe đó lấy tiền tiêu xài, nay không thể tìm được chiếc xe đạp đó nên gia đình anh đã mua một chiếc xe đạp khác hoặc trả cho người bị hại hoặc trả tiền bằng giá trị của một chiếc xe đạp cho người bị hại).

Đối với những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm thì người phạm tội hoặc đại diện gia đình họ tự nguyện đưa cho gia đình người bị hại một khoản tiền chữa bệnh, tiền viện phí, tiền trợ cấp khó khăn thì chỉ được coi đó là tự nguyện khắc phục hậu quả chứ không phải là bồi thường).

Khắc phục hậu quả là khắc phục những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do hành vi phạm tội gây nên mà những thiệt hại này không thể bồi thường hay sửa chữa được. Trường hợp gia đình anh đưa người bị hại đi bệnh viện, lo chạy chữa vết thương, chi tiền thuốc men, viện phí được coi là khắc phục hậu quả.

